

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2019/HS-ST
Ngày 26/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Hùng, ông Ngô Mạnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Hữu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Tôn- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 196/2019/TLST-HS ngày 11/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2019/QĐXXST-HS ngày 08/11/2019 đối với:

1. Bị cáo:

1.1 Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991; Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1971; Có vợ là Nguyễn Thị T sinh năm 1997 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 33/2010/HSST ngày 25/01/2010 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Nguyễn Văn Định 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng 18 ngày về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Định đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

1.2 Nguyễn Duy T, sinh năm 1974; Nơi đăng ký HKTT: Thôn X, xã K, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Duy S sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị Q sinh năm 1951; Có vợ là

Nguyễn Thị N sinh năm 1979 và có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/5/2019 bị Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội bắt quả tang và tạm giam về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tại Bản án số 108/2019/HSST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Duy Túc 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bản án đã có hiệu lực pháp.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/5/2019 đến nay theo Lệnh tạm giam của Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đến ngày 08/10/2019 bị cáo bị tạm giam theo Lệnh tạm giam của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số 01 Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

1.3 Đàm Thận S, sinh năm 1975; Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Thận C sinh năm 1941 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1944 (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị T sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2019 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại:

2.1 Anh Phạm Văn T, sinh năm 1992; HKTT: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Hiện thuê nhà xưởng tại thôn T, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

2.2 Chị Lê Thị S, sinh năm 1985; HKTT: xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Hiện thuê nhà xưởng tại thôn K, xã H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Đàm Thận T, sinh năm 1966; HKTT: Thôn H, xã H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

3.2 Anh Dương Văn H, sinh năm 1981; HKTT: Thôn T, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

3.3 Anh Đàm Thận T, sinh năm 1987; HKTT: Thôn H, xã H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

3.4 Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1977; HKTT: Thôn X, xã K, huyện S, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.5 Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; HKTT: Thôn P, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 29/4/2019 rạng sáng ngày 30/4/2019 Nguyễn Văn Đ cùng với Nguyễn Duy T và Đàm Thận S đã có hành vi lén lút, dùng kim cộng lực cắt khóa cửa xưởng gỗ của anh Phạm Văn T ở thôn Thượng, xã P, thị xã T để lấy trộm 02 bộ bàn ghế, đơn Minh Đế bằng gỗ trắc.

Đêm 30/4/2019 rạng sáng ngày 01/5/2019 Nguyễn Văn Đ cùng với Nguyễn Duy T và Đàm Thận S đã có hành vi lén lút, dùng kim cộng lực cắt khóa cửa xưởng gỗ của chị Lê Thị S ở thôn K, xã H, thị xã Từ Sơn để lấy trộm gỗ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Từ Sơn đã trưng cầu định giá và tại bản kết luận định giá số 48, 18 ngày 06/6/2019 và 13/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Từ Sơn đã kết luận: “Tổng giá trị tài sản mà Đ, T, S trộm cắp tại nhà của chị S là 226.000.000 đồng”.

Tại bản kết luận định giá số 61 ngày 10/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Từ Sơn đã kết luận: “02 bộ ghế, đơn Minh Đế bằng gỗ trắc có tổng giá trị 48.500.000 đồng”.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 180/CT-VKS ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn để xét xử bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Duy T và Đàm Thận S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ khai nhận: Đ, T, S cùng quen biết nhau, không có nghề nghiệp ổn định nên đã rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Cả ba đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn thị xã Từ Sơn, cụ thể:

Vụ thứ nhất, khoảng 23 giờ ngày 29/4/2019 Đ mượn mô tô Hon da BKS 29T-0776 của ông Nguyễn Đức S là bố vợ của Đ đi đến nhà S, rủ S, T đi trộm cắp tài sản. Đ dùng điện thoại OPPO gọi cho T hẹn đi trộm cắp tài sản. Khoảng 1 giờ ngày 30/4/2019, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter đến nhà S. Đ lái xe mô tô của T, T ngồi sau xe đi đến cửa hàng nhà anh T ở thôn T, xã P, Đ dùng kim cộng lực mang theo từ trước cắt khóa cửa, thấy bên trong có 02 bộ ghế, đơn Minh Đế bằng gỗ trắc nên mỗi người bê một chiếc ghế ra ngoài thì từng bộ phận rời nhau nên nhặt lại và chở về nhà S cất giữ. Sau đó, rủ S cùng đi trộm cắp số gỗ còn lại. S, T và Đ đi xe máy của T, Đ cầm lái, T kéo xe cải tiến ngồi sau. Đến nơi, Đ và T vào lấy số ghế còn lại của 2 bộ ghế, đơn cho vào xe cải tiến, S ở ngoài canh giới. T lái xe mô tô chở Đ phía sau kéo xe cải tiến, T ngồi trên xe cải tiến về nhà S

cắt đồ trộm cắp được vào trong 3 bao tải màu trắng. Cơ quan điều tra đã thu giữ ở nhà S toàn bộ sản phẩm gỗ trặc có hình thù phức tạp (loại để làm bàn ghế) trộm cắp của nhà anh T đựng trong 03 bao tải màu trắng. Đó là hai bộ ghế, đơn Minh Đế làm bằng gỗ trặc theo kết luận định giá có giá trị 48.500.000 đồng.

Vụ thứ hai, cũng với phương pháp và thủ đoạn như trên khoảng 23 giờ ngày 30/4/2019, Đ đi xe máy mượn của bố vợ là S đến nhà S rủ đi trộm cắp tài sản, sau đó gọi điện cho T đến đi trộm cắp tài sản. Khoảng 1 giờ ngày 01/5/2019 T đi xe máy Honda BKS 29S6-73029 mượn của anh Đào Văn N là cháu của T đến nhà S. Đ lái xe mô tô của T, T ngồi sau xe đi đến cửa hàng nhà chị S ở thôn K, xã H, Định dùng kìm cộng lực mang theo từ trước cắt khóa cửa và 01 đèn pin treo trên đầu soi tìm tài sản thì thấy có rất nhiều gỗ nên đã lấy bê lên xe chở về nhà S cắt giầu. Cụ thể gồm có 02 tấm ván gỗ Hương, kích thước (200x50x1) cm; 01 vách sập gỗ Cẩm, kích thước (196x40x4,3) cm; 02 tay sập gỗ Cẩm, kích thước (96x28x4) cm; 04 tấm ván gỗ Trắc, kích thước (76x34x1,1) cm; 05 tấm ván gỗ Trắc, kích thước (145x30x1,2) cm. Sau đó, cả S cùng đi lấy gỗ nhà chị S tiếp, khi đi mang theo cả xe cải tiến để chở gỗ. Đ và T đi xe máy của T, kéo theo xe cải tiến còn S đi sau bằng xe máy của Đ. Đến nơi, S ở ngoài canh giới còn T và Đ vào lấy gỗ để lên xe cải tiến, sau đó chở về nhà Đ cất. Toàn bộ số gỗ trộm cắp tại nhà chị S theo như trình báo của chị S là 145 thanh gỗ các loại, biên bản xác định loại gỗ và kết luận định giá là đúng. Giá trị toàn bộ số gỗ theo kết luận định giá là 226.000.000 đồng.

Sau khi trộm gỗ về, bị cáo đã chia cho S 21 thanh gỗ trặc và 02 khuôn tranh gỗ trặc; gửi ở nhà bố để bị cáo là ông Nguyễn Văn N 05 tấm ván gỗ trặc và 09 khuôn tranh gỗ trặc hình cánh cung, trên đường mang về bị rơi mất một số thanh gỗ trặc không thu hồi được. Toàn bộ số gỗ chia cho S và gửi nhà ông N cơ quan điều tra thu hồi lại. Sáng ngày 01/5/2019, bị cáo đã bán cho Đàm Thuận T 44 thanh gỗ trặc kích thước các loại với giá 22 triệu đồng. Số gỗ này không thu hồi được. Chiều ngày 02/5/2019 bị cáo bán cho Dương Văn H 22 thanh gỗ trặc kích thước các loại với giá 18.500.000 đồng. Anh H đã bán 02 thanh được 800.000 đồng không thu hồi được, phần còn lại cơ quan điều tra đã thu hồi lại. Tổng số tiền bán gỗ 2 lần được 40.500.000 đồng, bị cáo đưa cho S 9.000.000 đồng để đưa cho T, còn lại bị cáo ăn tiêu hết. Đối với số gỗ không thu hồi được, theo biên bản định giá là 37.600.000 đồng bị cáo đồng ý và chịu trách nhiệm cùng các bị cáo khác bồi thường cho chị S. Trong thời gian tạm giam, bị cáo đã tác động đến vợ bị cáo là Nguyễn Thị T bồi thường cho chị S 15.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn bị thu giữ 01 xe mô tô Honda SH màu đỏ - đen, Biển kiểm soát 29N1 – 193.66 cùng 01 Giấy đăng ký xe mang tên anh Vũ Xuân H. Đây là xe bị cáo của mua của người không quen biết, bị cáo không có ý kiến gì về xe này.

Bị cáo S công nhận lời khai của bị cáo Đ là đúng. Bị cáo, T với Đ có quen biết nhau, không có mâu thuẫn gì và đã cùng nhau tham gia 2 vụ trộm cắp tài sản của nhà anh T, chị S. Toàn bộ số gỗ trộm cắp tại nhà chị S theo như trình báo của chị S, biên bản xác định loại gỗ và kết luận định giá là đúng. Giá trị toàn bộ số gỗ theo kết luận định giá là 226.000.000 đồng. Đối với tài sản trộm cắp của nhà anh T là 2 bộ ghế, đơn Minh Đế gỗ trắc có giá trị 48.500.000 đồng là đúng. Số gỗ trộm cắp của nhà chị S mang về nhà bị cáo cất giữ tổng 14 thanh kích thước các loại và phần được S chia 23 thanh các loại. Số gỗ trộm cắp nhà T cất giữ ở nhà bị cáo. Toàn bộ số gỗ này đã được cơ quan điều tra thu hồi. Ngoài ra, còn thu giữ tại nhà bị cáo 11 tấm ván gỗ hương kích thước các loại và 06 sản phẩm gỗ trắc hình thù phức tạp có tổng trọng lượng 14 kg là của bị cáo, không liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo đề nghị được xin lại. Sau khi biết hành vi phạm tội của mình bị phát giác, bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình. Trong thời gian tạm giam, bị cáo đã tác động đến gia đình nên anh Đàm Thận T là anh trai của bị cáo đã bồi thường cho anh T 5 triệu đồng tiền công lắp lại 2 bộ ghế. Số tiền này bị cáo tự nguyện bồi thường toàn bộ cho anh T và không yêu cầu bị cáo T, S phải hoàn trả tiền cho bị cáo. Đối với phần tài sản gỗ của chị S không thu hồi được có giá trị 37.600.000 đồng, anh trai của bị cáo là Đàm Thận T đã bồi thường cho chị S 15.000.000 đồng nên phần bồi thường còn lại là trách nhiệm của bị cáo T và Đ, bị cáo không phải bồi thường nữa. Số tiền Đ bán gỗ, bị cáo không được chia đồng nào, Đ chia cho T 9.000.000 đồng và nhờ bị cáo chuyển cho T.

Bị cáo T xác định quen biết và không có mâu thuẫn gì với Đ và S. Bị cáo thừa nhận đã cùng với Đ và S tham gia 2 vụ trộm cắp tài sản như Đ và S trình bày là đúng. Tại cơ quan điều tra do không nhớ nên bị cáo đã không khai nhận. Trong thời gian tạm giam bị cáo đã tác động đến gia đình, anh trai bị cáo là Nguyễn Duy T đã thay bị cáo bồi thường cho chị S 5.000.000 đồng.

Bị hại là anh Phạm Văn T đã nhận lại 2 bộ ghế, đơn Minh Đế gỗ trắc bị mất. Anh phải mất 5.000.000 đồng để lắp lại 2 bộ ghế, đơn này. Anh Đàm Thận T là anh trai của bị cáo S đã bồi thường cho anh 5.000.000 đồng. Anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

Chị Lê Thị S đã bị mất 145 thanh gỗ các loại, chị đã nhận lại được một phần số gỗ bị mất, phần gỗ không thu hồi được chị yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị theo kết luận định giá tài sản là 37.600.000 đồng. Anh Đàm Thận T là anh trai của bị cáo S đã bồi thường cho chị 15.000.000 đồng. Anh Nguyễn Duy T là anh trai bị cáo T đã bồi thường cho chị 5.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị T là vợ bị cáo Đ đã bồi thường cho chị 15.000.000 đồng. Chị không yêu cầu bị cáo S, Đ, và T phải bồi thường dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đàm Thận T trình bày, trong thời gian bị tạm giam bị cáo S đã nhấn về gia đình nhờ anh bồi thường cho anh T, chị S. Anh đã bồi thường cho anh T 5.000.000 đồng, chị S 15.000.000 đồng. Số tiền này anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Anh Nguyễn Duy T trình bày, trong thời gian bị tạm giam bị cáo T đã nhấn về gia đình nhờ anh bồi thường cho chị S. Anh đã bồi thường cho chị S 5.000.000 đồng. Số tiền này anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Chị Nguyễn Thị T trình bày, trong thời gian bị tạm giam bị cáo Đ đã nhấn về gia đình nhờ anh bồi thường cho chị S. Chị đã bồi thường cho chị S 15.000.000 đồng. Số tiền này chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Anh Dương Văn H trình bày: Anh mua của bị cáo Đ 22 thanh gỗ trắc kích thước các loại với giá 18.500.000 đồng vào chiều ngày 02/5/2019. Sau đó anh đã bán 02 thanh gỗ với giá 800.000 đồng cho một người không quen biết nên không thu hồi lại được. Anh đã nộp lại cho cơ quan điều tra 800.000 đồng là tiền bán 2 thanh gỗ và toàn bộ số gỗ Đ đã bán cho anh. Số tiền 800.000 đồng anh không có yêu cầu gì.

Anh Đàm Thận T trình bày: Sáng ngày 01/5/2019, anh đã mua của bị cáo Đ 44 thanh gỗ trắc kích thước các loại với giá 22 triệu đồng. Khi mua anh không biết đó là tài sản Đ trộm cắp, anh đã bán số gỗ này cho một người không quen biết nên không thu hồi lại được. Anh không có yêu cầu gì.

Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Duy T và Đàm Thận S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/5/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 07 năm tù của Bản án số 108/2019/HSST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản là từ 15 năm 06 tháng đến 16 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/5/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;

điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đàm Thận S từ 08 năm đến 09 năm. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/5/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận được tiền bồi thường và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Trả lại cho bị cáo S 11 tấm ván gỗ Hương gồm: 01 tấm kích thước (114x25x1) cm; 01 tấm kích thước (110x22x1) cm; 01 tấm kích thước (104x32x1) cm; 02 tấm kích thước (114x30x1) cm; 01 tấm kích thước (114x42x1) cm; 01 tấm kích thước (110x23x1,5) cm; 01 tấm kích thước (114x29x1) cm; 01 tấm kích thước (110x24x0,5) cm; 01 tấm kích thước (50x44x1,5) cm; 01 tấm kích thước (55x45x1,5) cm và 06 sản phẩm gỗ hình thù phức tạp có tổng trọng lượng 14 kg nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng.

Tịch thu và tiêu hủy 04 bao tải màu trắng.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong khoảng thời gian từ đêm ngày 29/4/2019 đến rạng sáng ngày 01/5/2019 Nguyễn Văn Đ cùng với Nguyễn Duy T và Đàm Thận S đã có hành vi lén lút, dùng kim cộng lực cắt khóa cửa xưởng gỗ của anh Phạm Văn T ở thôn T, xã P, thị xã Từ Sơn lấy trộm 02 bộ bàn ghế, đơn Minh Đế bằng gỗ trắc có giá trị 48.500.000 đồng và cắt cửa xưởng gỗ của chị Lê Thị S ở thôn K, xã H, thị xã Từ Sơn lấy trộm 145 thanh gỗ các loại với tổng giá trị tài sản là 226.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trộm cắp của 2 vụ là 274.500.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Duy T và Đàm Thận S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn đã truy tố.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Nên cần phải xử

lý nghiêm các bị cáo bằng luật hình sự và áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, bị cáo Đ là người có vai trò tích cực nhất, là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác đi trộm cắp tài sản và là người trực tiếp cắt khóa cửa. Cả hai vụ Đ và T đều đi trộm cắp trước mang tài sản về, sau đó S đi ra sau và cảnh giới để cho Đ và T tiếp tục lấy tài sản trộm cắp.

Bị cáo Đ là người có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, điều đó chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục cải tạo nên cần phải xử lý nghiêm. Bị cáo S là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Tại cơ quan điều tra bị cáo T không thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản đêm 29 rạng sáng ngày 30/4/2019 cùng với S, Đ nhưng tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn ăn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Sau khi trộm cắp tài sản, biết hành vi của mình bị phát hiện, bị cáo S đã đến Cơ quan Công an đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Đ và S có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Trong thời gian tạm giam, các bị cáo Đ, S, T đã tác động đến gia đình bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trộm cắp không thu hồi được, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy các bị cáo Đ, T, S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đã thực hiện 2 vụ trộm cắp tài sản có giá trị 48.500.000 đồng và 226.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới giúp các bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Sau khi thực hiện trộm cắp tài sản tại địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày 02/5/2019 bị cáo T đã bị Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội bắt quả tang và đã bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 108/2019/HSST ngày 08/10/2019. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần phải tổng hợp với hình phạt của Bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T đã nhận lại hai bộ ghế, đơn Minh Đế bằng gỗ trắc và nhận 5.000.000 đồng tiền bồi thường công lắp lại 2 bộ ghế, đơn nên không có yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị S đã nhận lại một phần tài sản bị mất, phần tài sản không thu hồi được gia đình các bị cáo đã bồi thường cho chị nên chị không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: 11 tấm ván gỗ Hương thu giữ của bị cáo S, gồm: 01 tấm kích thước (114x25x1) cm; 01 tấm kích thước (110x22x1) cm; 01 tấm kích thước (104x32x1) cm; 02 tấm kích thước (114x30x1) cm; 01 tấm kích thước (114x42x1) cm; 01 tấm kích thước (110x23x1,5) cm; 01 tấm kích thước (114x29x1) cm; 01 tấm kích thước (110x24x0,5) cm; 01 tấm kích thước (50x44x1,5) cm; 01 tấm kích thước (55x45x1,5) cm và 06 sản phẩm gỗ hình thù phức tạp có tổng trọng lượng 14 kg không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo S nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Số tiền 800.000 đồng là do anh Dương Văn H bán gỗ do Đ trộm cắp mà có, anh H không có yêu cầu gì nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

04 bao tải màu trắng không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave, BKS: 29T2 – 0776 được bị can Đ sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản tại xưởng gỗ của anh T và chị S. Quá trình điều tra được xác định thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đức S (là bố vợ bị can Đ) cho Đ mượn trước đó, mục đích để sử dụng làm phương tiện đi lại. Khi Đ sử dụng chiếc xe đi trộm cắp ông không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Từ Sơn không đề cập xử lý và ra Quyết định xử lý vật chứng trả cho ông S chiếc xe là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave, BKS: 29S6 - 730.29 bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nhà chị S. Quá trình điều tra được xác định thuộc quyền sở hữu của anh Đào Văn N (là cháu T) cho Túc mượn mục đích để T sử dụng làm phương tiện đi lại. Khi T sử dụng chiếc xe đi trộm cắp anh cũng không biết. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp xong, Túc đã mang trả lại chiếc xe cho anh N. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập thu giữ chiếc xe và xử lý anh N là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô Honda SH màu đỏ - đen, Biển kiểm soát 29N1 – 193.66 cùng 01 Giấy đăng ký xe mang tên anh Vũ Xuân H, sinh năm 1971; HKTT: xã C, huyện P, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản hợp pháp của anh H bị mất trộm nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án còn có anh Đàm Thận T và anh Dương Văn H đã mua 01 số sản phẩm gỗ có nguồn gốc do Đ cùng đồng phạm trộm cắp được. Quá trình điều tra xác định lúc giao dịch mua bán các anh đều không biết đó là tài sản do

trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với các anh mà tiến hành giáo dục, nhắc nhở là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Văn N (là bố bị cáo Đ) là người đã cho Đ gửi 05 tấm ván gỗ Trắc và 09 khuôn tranh gỗ Trắc hình cánh cung có nguồn gốc do Đ cùng đồng phạm trộm cắp được mà có. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định khi ông N cho Đ gửi, ông N không biết đó là tài sản có nguồn gốc do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/5/2019.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tổng hợp với hình phạt 07 năm tù của Bản án số 108/2019/HSST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 02/5/2019.

3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Đàm Thận S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Đàm Thận S 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/5/2019.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Trả lại cho bị cáo Đàm Thận S 11 tấm ván gỗ Hương gồm: 01 tấm

kích thước (114x25x1) cm; 01 tấm kích thước (110x22x1) cm; 01 tấm kích thước (104x32x1) cm; 02 tấm kích thước (114x30x1) cm; 01 tấm kích thước (114x42x1) cm; 01 tấm kích thước (110x23x1,5) cm; 01 tấm kích thước (114x29x1) cm; 01 tấm kích thước (110x24x0,5) cm; 01 tấm kích thước (50x44x1,5) cm; 01 tấm kích thước (55x45x1,5) cm và 06 sản phẩm gỗ hình thù phức tạp có tổng trọng lượng 14 kg nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng.

Tịch thu và tiêu hủy 04 bao tải màu trắng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 10 năm 2019)

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đ, S, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ ./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Từ Sơn;
- Công an thị xã Từ Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh